

Số: 659/KH-SKH&CN

Tiền Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH
Hoạt động khoa học và công nghệ năm 2021

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH&CN NĂM 2020 VÀ 05 NĂM 2016 – 2020:

I. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2016-2020:

Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản nhằm triển khai thực hiện các chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo, cụ thể:

- Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 quy định về nội dung chi và mức chi đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

- Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND quy định nội dung chi, mức chi đối với việc tư vấn xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 ban hành Quy chế tài trợ, cho vay và hỗ trợ của Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn

tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo quyết định 43/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 về việc sáp nhập Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ vào Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang.

- Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 8, bãi bỏ khoản 9 Điều 1 Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 13/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý về đo lường đối với phương tiện đo sử dụng trong thương mại bán lẻ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 26/4/2018 thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 26/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 08/4/2019 về việc triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Tiền Giang.

II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và ĐMST 05 năm 2016-2020:

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng:

1.1. Đánh giá Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở:

Công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về KH&CN, đặc biệt là Luật KH&CN và các văn bản hướng dẫn dưới Luật đã tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và hành động của các ngành, các cấp về vai trò của KH&CN. Các nhiệm vụ KH&CN của tỉnh đã từng bước được đổi mới từ khâu đề xuất, xác định nhiệm vụ, thẩm định nội dung thuyết minh chi tiết, thẩm định kinh phí đến nghiệm thu, ứng dụng, nhân rộng kết quả góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng của các nhiệm vụ KH&CN phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Giai đoạn 2016 – 2020, đã triển khai 75 nhiệm vụ (55 cấp tỉnh, 20 cấp cơ sở, trong đó lĩnh vực nông nghiệp: chiếm tỉ lệ 50 %; công nghệ - kỹ thuật chiếm tỉ

lệ 28 %; văn hóa - xã hội chiếm tỉ lệ 12 %, y tế chiếm tỉ lệ 10 %); nghiệm thu 67 nhiệm vụ KH&CN, gồm: Thanh lý 04 nhiệm vụ KH&CN; đưa vào ứng dụng 63 nhiệm vụ KH&CN (chiếm tỉ lệ 94 % tổng số nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu): 32 nhiệm vụ cấp tỉnh, 31 nhiệm vụ cấp cơ sở (trong đó lĩnh vực nông nghiệp : chiếm tỉ lệ 55 %; công nghệ - kỹ thuật chiếm tỉ lệ 21 %; văn hóa - xã hội chiếm tỉ lệ 19 %, y tế chiếm tỉ lệ 5 %).

* Lĩnh vực nông nghiệp:

- *Lĩnh vực trồng trọt:*

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong việc nuôi cấy, xử lý biến dị soma, phương pháp đánh dấu marker phân tử để lai tạo, chọn lọc phục tráng giống nếp bè Chợ Gạo, giống lúa có năng suất, chất lượng cao, thích nghi được với độ mặn do bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Các giống lúa triển vọng đưa vào sản xuất cho năng suất cao (trung bình từ 6-7 tấn/ha, tăng 0,5-1 tấn/ha), phẩm chất gạo tốt, chống chịu sâu bệnh.

+ Bên cạnh công tác giống, tỉnh đã chú trọng triển khai các mô hình ứng dụng các chế phẩm sinh học có nguồn gốc từ các loài nấm để diệt các loại rầy nâu, sâu hại lúa hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm mới phân bón gốc BioROOT- Antisanlino khử mặn, tạo độ phì cho đất canh tác được thuận lợi hơn để hạ giá thành sản xuất và tăng thêm thu nhập cho người dân.

+ Nghiên cứu thành công kỹ thuật sản xuất giống và nuôi trồng một số loại nấm ăn cao cấp: Nấm ngọc bích, nấm kim châm, nấm đùi gà vua. Qua đó không ngừng mở rộng và phát triển vùng trồng nấm ăn, nấm dược liệu trong tỉnh.

+ Chương trình sản xuất thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao để sản xuất một số loại rau, hoa theo hướng nông nghiệp đô thị: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất giá thể hữu cơ sạch từ phụ phế liệu nông nghiệp phục vụ nhu cầu trồng hoa và rau sạch; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thủy canh vào nông nghiệp đô thị; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, sơ chế, xử lý, đóng gói và bảo quản rau quả.

- *Trong sản xuất cây ăn trái:*

Đã triển khai thực hiện 5 chương trình hỗ trợ phát triển toàn diện cây ăn trái đặc sản của tỉnh gồm: Cây Sơ ri, cây Vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim, cây Khóm Tân lập, cây Xoài cát Hòa Lộc, cây Thanh long Chợ Gạo; các chương trình trên được thực hiện từ năm 2007 và kết thúc năm 2012, 2013 và 2017 nội dung cơ bản của các chương trình trên là: Nâng cao chất lượng toàn diện và quy hoạch vùng phát triển; Sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP và GLOBALG.A.P; Bảo quản, sơ chế, chế biến, tiêu thụ, ứng dụng các tiến bộ KH&CN để nâng cao năng suất, chất lượng và bảo vệ thực vật, cơ giới hóa một số công đoạn trong sản xuất; Ứng dụng công nghệ điện di phân tử đã xác định và chọn được cây đầu dòng đối với cây xoài cát Hòa Lộc, cây vú sữa lò rèn Vĩnh Kim, Mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn GAP (vú sữa, xoài, khóm, sổi...).

- *Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản:*

Tập trung vào các loại vật nuôi chủ lực của tỉnh như gà ta, gà ác, dê, cừu, heo, bò thịt, tôm, cua, các tra ... để ứng dụng quy trình chăn nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAP ở tỉnh Tiền Giang; xây dựng quy trình phòng một số bệnh đường hô hấp phổ biến trên heo sau cai sữa ở hộ chăn nuôi gia đình; giải pháp kiểm soát dịch cúm gia cầm trên chim cút, ứng dụng vi sinh vật xử lý chất thải trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản Qua đó ứng dụng KH&CN vào trong chọn tạo giống, kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và quản lý sâu bệnh hại ... để tăng năng suất ít nhất 10 %, phẩm chất và tăng thu nhập cho người dân so với canh tác truyền thống.

- *Lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và môi trường:*

Tập trung ứng dụng KH&CN giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; tiêu thủ công nghiệp, rác thải, nước thải doanh nghiệp trong đó chú trọng theo hướng ứng dụng và xử lý bằng vi sinh vật.

- *Lĩnh vực văn hóa xã hội:*

Các nhiệm vụ KH&CN góp phần trong nghiên cứu cơ sở lý luận văn hóa dân gian và giá trị của nó làm có sở bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của tỉnh, tuyên truyền, giới thiệu những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương hoặc làm tài liệu giảng dạy chính tại các trường văn hóa của tỉnh.

- *Lĩnh vực y tế:*

Các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực y tế công cộng, dự phòng đã tập trung nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng sức khỏe của nhân dân, đề xuất giải pháp chuyển giao các kỹ thuật công nghệ, giải pháp phòng và điều trị các bệnh trong y tế cộng đồng.

1.2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập:

Kinh phí giao thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tổ chức KH&CN	Kinh phí thực hiện				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Công nghệ	1.085,356	1.079,174	529,955	524,7	524,7
2	Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ	1.038,407	1.188,182	1.278	1.395,9	1.100,154

	Sinh học					
3	Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ	-	427,851	472,290	140,685	-
4	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	-	239,158	164,332	139,252	120,210

2. Đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập:

2.1. Phân loại tổ chức KH&CN theo mức độ tự đảm bảo về chi thường xuyên và chi đầu tư:

- Thực hiện Đề án số 02-ĐA/TU ngày 21/3/2018 của Tỉnh ủy Tiền Giang về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Tiền Giang theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII; Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang. Theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 21/12/2018, Sở Khoa học và Công nghệ có 03 đơn vị sự nghiệp, gồm: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ; Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

- Phân loại tổ chức KH&CN theo mức độ tự đảm bảo về chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

+ Tổ chức KH&CN công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

+ Tổ chức KH&CN công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học.

2.2. Tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tổ chức KH&CN	Doanh thu				Dự kiến Năm 2020
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	
	Trung tâm	13.500	13.200	13.400	13.500	13.500

1	Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Công nghệ					
2	Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học	2.173	2.971	3.500	4.700	5.000
3	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	2,977	7,005	10,373	10,096	10.000

Các Trung tâm đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ cụ thể:

* Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Công nghệ:

- Ngoài những sản phẩm truyền thống 100% bằng vật liệu Composite như: Thùng rác, cửa van cống, các loại xe gom rác, máy tạo ẩm nhà nuôi chim yến, các loại bồn chứa nước, ... Trung tâm đã nghiên cứu, thiết kế gia công sản phẩm mới như: thùng chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng; hệ thống trồng rau khí canh trụ đứng áp cao và sản phẩm mới đang được thương mại hóa thăm dò thị trường.

- Lắp đặt hệ thống thiết bị, công nghệ xử lý nước thải lò hủ tiêu, nước thải nhà hàng, trường học; bể tách mỡ; hệ thống khí thải phòng in và các nhà máy sản xuất công nghiệp các loại có công suất từ 10 đến 100m³/ngày đêm; hệ thống xử lý nước sinh hoạt nhiễm Asen; hệ thống xử lý khí SO₂, hệ thống xử lý mùi chế biến ruốc, hệ thống xử lý khí thải cho chế tác vàng,...

- Cung cấp và lắp đặt thiết bị lọc nước tuần hoàn cho hồ bơi cho các trường học.

- Dịch vụ tư vấn đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giám sát môi trường, báo cáo xả thải, lập sổ nguồn thải nguy hại,.... cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.

-Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: Bảo tồn và khảo sát 10 giống nấm thuần chất lượng tốt (nấm mèo, nấm bào ngư trắng, nấm kim châm, nấm hầu thủ, nấm chân dài, nấm kim phúc, nấm mối đen, nấm trùn châu, nấm ngọc bích, nấm đùi gà vua). Các giống nấm bảo tồn trong tình trạng sẵn sàng cung ứng, nhân rộng cho bà con nông dân trong và ngoài tỉnh. Hàng năm, sản xuất và cung ứng cho thị trường trên 35 ngàn bịch meo giống các loại (nấm rơm, nấm bào ngư các loại, nấm linh chi,...), trên 300 ngàn phôi nuôi trồng các loại nấm (nấm bào ngư các loại, nấm linh chi,...).

- Sản xuất và cung cấp cho thị trường trên sản phẩm nước uống đóng bình các loại.

* Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học:

- Thực hiện các dịch vụ: Phân tích thử nghiệm; đào tạo, kiểm định và tư vấn lĩnh vực an toàn bức xạ, cung cấp liều kế; đánh giá, tư vấn VietGAP trên các sản phẩm bưởi da xanh, rau, lúa cho các tổ chức trong và ngoài tỉnh.

- Triển khai và chuyển giao công nghệ cho nông hộ về các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học có hiệu quả trong canh tác nông nghiệp: canh tác hoa tử la lan, dưa lưới trong nhà màng và mô hình trồng thanh long treo giàn và trụ ứng dụng công nghệ tưới phun; ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt và canh tác rau thủy canh trong nhà màng (dưa lưới, cà chua bi, rau); sản xuất sản phẩm dung dịch dinh dưỡng thủy canh, giá thể hữu cơ, phân hữu cơ.

- Nghiên cứu cải tiến sản phẩm mới theo hướng nông nghiệp công nghệ cao về kỹ thuật canh tác nông nghiệp, dung dịch thủy canh hữu cơ, đa dạng hóa nguyên liệu sản xuất, hệ thống thủy canh trụ đứng, chế phẩm sinh học.

3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo:

3.1. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN:

Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã đẩy mạnh hoạt động hướng dẫn doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN với nhiều nội dung: Thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp tiềm năng để tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc; thực hiện các hoạt động vận động, hỗ trợ doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN (hướng dẫn hồ sơ, thủ tục; thực hiện nghiệm thu, đánh giá các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước). Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về phát triển Doanh nghiệp KH&CN và thị trường KH&CN, cụ thể như:

- Hỗ trợ hình thành 06 doanh nghiệp KH&CN (Công ty Cổ phần Dược phẩm TIPHARCO, Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thiết bị chiếu sáng Duhal, Công ty TNHH - MTV Socolate KIMMY, Doanh nghiệp Tư nhân Tư Sang 2, Doanh nghiệp Tư nhân Long Thuận, Công ty TNHH Traviphar).

- Quỹ Phát triển KH&CN thực hiện giải ngân cho vay 17 doanh nghiệp với tổng số tiền cho vay là 81.825 triệu đồng nhằm thực hiện các dự án đổi mới công nghệ, tạo sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Hỗ trợ trên 20 đơn vị, doanh nghiệp tham gia các Hội chợ, Chợ công nghệ - thiết bị quốc gia và khu vực.

3.2. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo:

- Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số văn bản nhằm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, cụ thể như:

Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025; Kế hoạch 125/KH-UBND ngày 22/4/2019 về việc hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2019; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 22/4/2020 về việc hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2020.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan/đơn vị liên quan để thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Kết quả:

+ Tổ chức Hội thảo khoa học “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tiền Giang năm 2019” với 184 lượt đại biểu tham dự.

+ Tổ chức Hội thảo khoa học giải pháp kết nối Thanh niên khởi nghiệp và nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước để thanh niên trình bày ý tưởng sáng tạo, sáng kiến: Kết nối các đơn vị, doanh nghiệp và các nhà khởi nghiệp để giới thiệu, liên kết các ý tưởng sáng tạo, sáng kiến của đoàn viên, thanh niên; Gặp gỡ, chia sẻ thuận lợi, khó khăn của đoàn viên, thanh niên đang nhận nguồn vốn hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và thanh niên đang thực hiện khởi nghiệp, thanh niên đang có ý tưởng khởi nghiệp.

+ Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội thảo khoa học hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận, đổi mới sáng tạo lĩnh vực ICT (Công nghệ thông tin và truyền thông).

+ Phối hợp Sở Tài chính hỗ trợ kinh phí cho Trường Đại học Tiền Giang tổ chức 02 Cuộc thi "Sinh viên khởi nghiệp sáng tạo" năm 2019 và năm 2020 với chủ đề "Khởi nghiệp để lập nghiệp”.

+ Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang phát sóng chương trình giới thiệu điển hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công của tỉnh; tuyên truyền các cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của quốc gia, của tỉnh cho các tổ chức, cá nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên trên địa bàn tỉnh nhằm thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về các hoạt động thúc đẩy phong trào hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Hỗ trợ kinh phí cho 01 dự án tham gia Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Techfest vùng Đồng bằng sông Cửu Long 2019 (dự án Kế hoạch kinh doanh Công Ty TNHH dịch vụ đi chợ nhanh, ứng dụng gợi ý hôm nay ăn gì – FoodViet. Chủ dự án: Trần Tiến Phát và Nguyễn Thị Kim Ngân - Khoa Kinh tế luật – Quản Trị Kinh Doanh – Trường Đại học Tiền Giang). Kết quả: Dự án đạt TOP 15 và được vào thi vòng chung kết Techfest vùng Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019 diễn ra vào ngày 22, 23/10/2019.

+ Tổ chức 03 lớp đào tạo kỹ năng cho người khởi nghiệp, dự kiến tổ chức tại 03 vùng của tỉnh (theo Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 05/4/2017 của Tỉnh ủy về

phát triển kinh tế - đô thị 3 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030);

+ Tổ chức Hội nghị chuyên đề “*Youth TG - check in 4.0*”: Giao lưu chia sẻ với chuyên gia về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hội nghị kết nối, giới thiệu “Sinh viên 5 tốt”, “Học sinh 3 rèn luyện” tiêu biểu với doanh nghiệp; Triển lãm sản phẩm Sáng tạo - Công nghệ.

4. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân:

4.1. Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành, lĩnh vực:

- Trong y tế các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện đều được trang bị thiết bị X-quang để chụp chẩn đoán bệnh; các cơ sở y tế tuyến tỉnh (Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang, Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công và Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy) và một số cơ sở y tế khác (Bệnh viện Quân y 120 – Cục Hậu cần Quân khu IX, Bệnh viện Đa khoa Anh Đức) được trang bị thiết bị chụp cắt lớp vi tính CT-Scanner để chụp chẩn đoán bệnh. Có hai cơ sở y tế được trang bị thiết bị chụp cộng hưởng từ MRI (gồm Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang và Bệnh viện Quân y 120 – Cục Hậu cần Quân khu IX).

- Trong công nghiệp: Có 02 cơ sở có sử dụng nguồn phóng xạ/thiết bị bức xạ trong công nghiệp (Công ty TNHH Nhà máy bia Heneiken Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang, Công ty Cổ phần sản xuất ống thép dầu khí Việt Nam).

4.2. Kết quả triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp quốc gia; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở sản xuất:

- Các cơ sở có sử dụng thiết bị bức xạ/nguồn phóng xạ đều thực hiện các biện pháp để tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ như: Phân công người phụ trách an toàn, cử nhân viên bức xạ dự tập huấn kiến thức về an toàn bức xạ, hợp đồng cung cấp, trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ, định kỳ 3 tháng kiểm tra và cung cấp kết quả liều kế (chưa có trường hợp kết quả liều kế của nhân viên bức xạ vượt quá giới hạn cho phép); nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, có lập sổ theo dõi (chưa có trường hợp bất thường về sức khỏe của nhân viên bức xạ); lập hồ sơ theo dõi thiết bị, gồm hồ sơ kỹ thuật, kết quả kiểm tra – kiểm định thiết bị bức xạ/nguồn phóng xạ, sổ theo dõi nhật ký vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ...; định kỳ hàng năm, các cơ sở có lập báo cáo an toàn bức xạ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN:

- Phối hợp với các viện, trường trong và ngoài tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên các lĩnh vực nông nghiệp, kỹ thuật công nghệ, tự nhiên, xã hội nhân văn như: Trường Đại học Tiền Giang, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Viện Cây ăn quả miền Nam, ...

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Long An xây dựng Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2025 về Lĩnh vực khoa học và công nghệ với 10 nội dung liên kết.

- Nhằm nâng cao năng lực và tiềm lực nghiên cứu và phát triển các sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ sinh học; hoàn thiện các quy trình và công nghệ sản xuất trong lĩnh vực vi sinh mà Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang đang nghiên cứu; Sở KH&CN đã có kế hoạch làm việc với Giáo sư Park Kwan Hwa của Đại học Seoul -Hàn Quốc. Các nội dung phối hợp nghiên cứu:

+ Phân lập chủng vi nấm *Trichoderma* sp. có khả năng phân giải cellulose từ các mẫu đất tại Tiền Giang và nghiên cứu phát triển chế phẩm phân giải cellulose từ nấm *Trichoderma* sp., tạo ra các dòng chế phẩm vi sinh bón cho cây trồng mang lại hiệu quả cao, an toàn cho sức khỏe người sử dụng và bảo vệ môi trường.

+ Công nghệ và mô hình sản xuất nấm cao cấp trong phòng lạnh.

+ Quy trình sản xuất chế phẩm EM (*effective Microorganisms*) gốc (EM1) và một số chất phụ gia, bảo quản các sản phẩm vi sinh vật ở dạng rắn (*bột*).

+ Quy trình sản xuất vú sữa đóng hộp.

- Quy trình sản xuất nước cá từ nội tạng cá da trơn có bổ sung EM (Biotech) và vi sinh vật có ích (enzyme protease và enzyme lipase).

6. Thông tin và thống kê KH&CN:

- Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã thực hiện kết nối mạng VinaREN - Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia phát triển, tuy nhiên việc sử dụng mạng VinaREN vẫn còn ít, nguyên nhân là do nhu cầu sử dụng không cao, việc thay đổi đơn vị quản lý mạng thông tin KH&CN cũng gây khó khăn cho việc truy cập Mạng VinaREN.

- Triển khai sử dụng phần mềm nhập liệu báo cáo thống kê về khoa học công nghệ do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cung cấp: đã thực hiện nhập số liệu báo cáo thống kê trong năm 2019, 2020.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thông tin về KH&CN như:

+ Phát hành tập san KH&CN 3 kỳ/năm, bản tin KH&CN định kỳ hàng tháng: cập nhật các thông tin về KH&CN mới trên cả nước, cung cấp thông tin về các chính sách mới về KH&CN đến các cơ quan trong tỉnh góp phần phổ biến thông tin KH&CN đến cán bộ, công chức và người dân trong tỉnh.

+ Thực hiện chuyên mục/chuyên trang KH&CN trên báo, đài phát thanh truyền hình địa phương định kỳ hàng quý, tuyên truyền về các hoạt động, thành tựu về KH&CN của tỉnh nhà đến người dân trong tỉnh.

+ Phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền Ngày khoa học và công nghệ 18/5 hàng năm như: Ngày hội vinh danh trí thức, treo băng rôn, áp phích chào mừng Ngày KH&CN tại các tuyến đường, các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có hoạt động KH&CN.

- Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã tạo lập và cập nhật CSDL về thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành, đã đăng ký kết quả và đã báo cáo ứng dụng tại tỉnh Tiền Giang từ năm 2017 gồm thông tin của 74 nhiệm vụ với 164 biểu ghi dữ liệu.

- Tổ chức, thực hiện đầy đủ các cuộc điều tra thống kê quốc gia: Điều tra hội nhập quốc tế về KH&CN, Điều tra Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Điều tra nhận thức công chúng về khoa học và công nghệ năm 2018; Điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức Khoa học và công nghệ năm 2019; báo cáo thống kê cơ sở và tổng hợp; báo cáo thống kê KH&CN định kỳ hàng năm: thực hiện đầy đủ, đúng nội dung và đối tượng cần khảo sát góp phần xây dựng cơ sở thông tin thống kê về KH&CN quốc gia.

7. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN:

7.1. Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính:

- Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính như kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, phát động chuyên đề thi đua cải cách hành chính, chuyên đề thi đua “Ứng dụng công nghệ thông tin”.

- Bố trí cán bộ đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; công bố, cập nhật thủ tục hành chính theo quy định.

- Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính qua ứng dụng phần mềm một cửa điện tử của tỉnh. Hiện nay, Thủ tục hành chính của Sở có 64 TTHC. Số thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 3: 32 TTHC, mức độ 4: 32 TTHC. Các hồ sơ đều được trả trước hạn, đúng hạn.

- Tham mưu UBND tỉnh kịp thời ban hành Quyết định về việc công bố danh mục TTHC trong các lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang. Các TTHC được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở.

7.2. Hiện đại hóa nền hành chính:

- Hạ tầng CNTT đã đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Hệ thống phần mềm dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành (*Thông tin về nhiệm vụ KH&CN*) đã được đưa vào triển khai thực hiện đã mang lại nhiều hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước của ngành. Đặc biệt, việc áp dụng hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (QLVB&ĐH), thư điện tử công vụ trong trao đổi văn bản điện tử trong nội bộ cũng như với các cơ quan bên ngoài đã giúp giảm thiểu giấy tờ và thời gian xử lý văn bản, hệ thống phần mềm một cửa điện tử đã được đưa vào sử dụng và mang lại hiệu quả, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước cũng như đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp giúp cho việc thực

hiện giao dịch TTHC của người dân và doanh nghiệp với chính quyền được dễ dàng, thuận lợi, công khai và minh bạch góp phần thực hiện thành công chương trình cải cách hành chính của tỉnh Tiền Giang.

- Việc ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC, triển khai một cửa điện tử, rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công mức độ 3 và mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp. Lãnh đạo Sở quan tâm và có quan điểm tích cực trong việc đưa ứng dụng CNTT nhằm thúc đẩy quá trình cải cách hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành (QLVBDH): Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo Hướng dẫn số 822/HD-VTLTNN ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước Hướng dẫn quản lý văn bản đi, văn bản đến và lập hồ sơ trong môi trường mạng. Việc ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại cơ quan: thường xuyên (100% văn bản đến, 100% văn bản đi được cập nhật và xử lý trên phần mềm).

- Ứng dụng chữ ký số:

- + Tỷ lệ các đơn vị trực thuộc được cấp chứng thư số: 04/04 đơn vị.

- + Tỷ lệ văn bản điện tử của đơn vị (phát hành liên thông qua phần mềm QLVBDH) được ký số: 100%.

- Ứng dụng hộp thư điện tử công vụ:

- + Tỷ lệ CC.VC được cấp hộp thư điện tử công vụ: 100%.

- + Tỷ lệ CC.VC sử dụng hộp thư điện tử công vụ: 100%.

- Việc cung cấp thông tin lên cổng/trang thông tin điện tử của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ: thực hiện đầy đủ theo quy định.

7.3. Kết quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với cơ quan hành chính nhà nước theo:

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, với kết quả như sau:

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan hành chính nhà nước. Triển khai việc xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Tiền Giang. Đến tháng 5/2020, có tổng số 96 cơ quan hành chính nhà nước gồm: 19/19 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; 13/13 đơn vị trực thuộc sở, ngành; 11/11 đơn vị hành chính cấp huyện và 53/172 đơn vị hành chính cấp xã đã áp dụng và thực hiện công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001. Trong đó, 46 cơ quan

thực hiện áp dụng theo TCVN ISO 9001:2008, 50 cơ quan thực hiện áp dụng theo TCVN ISO 9001:2015.

- Hỗ trợ các cơ quan HCNN trong đào tạo về HTQLCL như:

+ Tổ chức tập huấn Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008: 25 lớp tập huấn (trong đó 15 lớp tập huấn nhận thức về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn; 10 lớp tập huấn đánh giá nội bộ) với 1.214 lượt người tham dự.

+ Tổ chức tập huấn Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015: 05 lớp tập huấn chuyển đổi áp dụng HTCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (469 lượt tham dự) và 07 lớp tập huấn đánh giá nội bộ HTQLCL (368 lượt tham dự) cho đối tượng là các cơ quan HCNN.

8. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

- Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã triển khai 02 dự án đầu tư phát triển gồm: Dự án Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Tiền Giang (tổng mức đầu tư: 75.707 triệu đồng); Dự án Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học giai đoạn 2 (tổng mức đầu tư: 23.423 triệu đồng).

- Công tác giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng lớn để triển khai các nội dung tiếp theo của 02 dự án. Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Ban Quản lý và Phát triển Quỹ đất thành phố Mỹ Tho, UBND xã Mỹ Phong tổ chức nhiều buổi làm việc với các hộ dân nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng để giải thích, làm rõ thêm về các quy định của pháp luật về chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Đến tháng 4/2020, đã hoàn thành xong công tác chi trả kinh phí bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân; nghiệm thu, nhận bàn giao mặt bằng 02 dự án.

- Kế hoạch vốn đầu tư công và tình hình giải ngân 02 dự án như sau:

** Dự án Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Tiền Giang:*

+ Năm 2017, kế hoạch vốn: 20.000 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 207 triệu đồng.

+ Năm 2018, kế hoạch vốn 2017 kéo dài: 19.792,9 triệu đồng; Kế hoạch vốn 2018: 0 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 2.743 triệu đồng.

+ Năm 2019, kế hoạch vốn: 2.400 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 2.352 triệu đồng.

+ Năm 2020, kế hoạch vốn: 41.453 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp 20.000 triệu đồng; ứng vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: 21.453 triệu đồng. Giá trị giải ngân: 41.261 triệu đồng.

** Dự án nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học (giai đoạn 2):*

+ Năm 2018, kế hoạch vốn: 167 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 166,230 triệu đồng.

+ Năm 2019, kế hoạch vốn: 2.600 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 2.497 triệu đồng.

+ Năm 2020, kế hoạch vốn: 13.386 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp 10.000 triệu đồng; ứng vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: 3.386 triệu đồng. Giá trị giải ngân: 13.180 triệu đồng.

9. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh:

9.1. Quản lý công nghệ:

- Thẩm định công nghệ 38 dự án đầu tư; góp ý về công nghệ cho 139 dự án đầu tư; tham gia tư vấn đấu thầu 20 gói thầu; thẩm định cấu hình thiết bị 10 dự án.

- Công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư vào tỉnh đã được các ngành, các địa phương quan tâm thực hiện chủ yếu thuộc lĩnh vực xử lý môi trường và công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, trồng trọt, chăn nuôi. Đến nay chưa phát hiện dự án có công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế và cấm chuyển giao, công nghệ lạc hậu, góp phần vào sự chuyển dịch kinh tế chung của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

9.2. Sở hữu trí tuệ:

- Hỗ trợ bảo hộ và quản lý tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù địa phương: sả Tân Phú Đông”, sần riêng Cai Lậy, Mai chiếu thủy nu Gò Công.

- Tuyên truyền, đào tạo về SHTT: Tổ chức 03 lớp tập huấn (Bảo hộ quyền SHTT đối với các đặc sản của địa phương, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp); phối hợp với địa phương trong tỉnh (Hội làm vườn huyện Cai Lậy, Hội sinh vật cảnh) tổ chức 02 lớp tập huấn “tạo lập và khai thác nhãn hiệu”

- Phối hợp với Sở NN&PTNT tập huấn 07 lớp về nội dung, hồ sơ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2020 tại các địa phương trong tỉnh

- Hướng dẫn cho các tổ chức/cá nhân lập 103 hồ sơ đăng ký nhãn hiệu, 39 hồ sơ gia hạn giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, 02 hồ sơ sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, 01 hồ sơ chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, mô tả 03 sáng chế cho doanh nghiệp

9.3. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

- Tiếp tục thực hiện Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 theo Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020; trong giai đoạn 2016-2020 kết quả thực hiện như sau:

+ Tiếp nhận 16 bản đăng ký và cam kết tham gia dự án năng suất chất lượng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua khảo sát, đánh giá hiện trạng tại doanh nghiệp, tổ chức thẩm định và hỗ trợ cho 09 doanh nghiệp tham gia Dự án áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; trong năm 2020, dự kiến hỗ trợ cho ít nhất 03 doanh nghiệp tham gia Dự án áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

+ Vận động, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, có 24 bản đăng ký tham gia; đề xuất về Hội đồng quốc gia xét tặng cho 10 lượt doanh nghiệp (gồm 02 giải vàng, 05 giải bạc và 03 Giải thưởng Chất lượng Quốc gia). Kết quả: Hội đồng quốc gia đã xét tặng 01 giải vàng, 04 giải bạc, 01 giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

+ Tổ chức hội thảo khoa học “Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang” với 50 lượt người tham dự; 01 lớp tập huấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 22000:2018 với 29 lượt người tham dự, trong đó có 08 lượt là các chủ thể sản xuất trong Chương trình OCOP Tiền Giang thuộc nhóm thực phẩm và đồ uống.

+ Tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, kiến thức pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về năng suất chất lượng; vấn đề chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Hướng dẫn 08 doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở về vàng trang sức.

- Cập nhật các tin cảnh báo của các nước thành viên WTO về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Phát hành bản tin TBT.

- Triển khai thực hiện Thông tư số 09/2017/TT-BKHCN quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong thương mại bán lẻ, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 13/7/2018 về tăng cường công tác quản lý về đo lường đối với phương tiện đo sử dụng trong thương mại bán lẻ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Hoạt động quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương ngày càng đổi mới và nâng cao hiệu quả, đảm bảo công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân trong hoạt động thương mại.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Triển khai thực hiện 44 cuộc kiểm tra, 02 cuộc thanh tra tổng số 765 cơ sở trên các lĩnh vực xăng dầu; hàng đóng gói sẵn; vàng trang sức, mỹ nghệ; phương tiện đo công vụ; phương tiện đo y tế, taxi, xi téc ô tô, đông hồ nước lạnh; thép làm cốt bê tông, mũ bảo hiểm, dầu nhờn, thiết bị điện, điện tử, đồ chơi trẻ em. Kết quả: Ban hành 93 thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp; 115 thông báo tạm dừng lưu thông hàng hóa; 20 thông báo kết quả thử nghiệm mẫu không phù hợp; ban hành 18 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 17 cơ sở với tổng số tiền phạt và số thu lợi bất hợp pháp là 553.079.790 đồng.

- Tổ chức 03 cuộc tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, chất lượng, với 622 lượt người tham dự; phát hành 25.000 tờ rơi tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tiếp nhận và giải quyết đúng quy định tiếp nhận và giải quyết 47 hồ sơ gồm 03 hồ sơ công bố hợp quy, 05 hồ sơ công bố hợp chuẩn, 28 hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, 11 hồ sơ về Giải thưởng chất lượng Quốc gia.

10. Hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN:

Quỹ Phát triển KH&CN được thành lập năm 2006 nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đa dạng hóa nguồn đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN.

10.1. Hoạt động cho vay:

- Vốn được cấp khi mới thành lập ban đầu là 05 tỷ đồng từ nguồn sự nghiệp KH&CN; bổ sung từ kinh phí thu hồi của các dự án hỗ trợ có thu hồi hàng năm, các khoản thu từ hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN; vốn bổ sung từ năm 2016 đến tháng 5/2020 là 45.880 triệu đồng, lũy kế đến tháng 5/2020 là 77.600 triệu đồng.

- Quỹ Phát triển KH&CN thực hiện giải ngân cho vay 17 doanh nghiệp với tổng số tiền cho vay là 81.825 triệu đồng nhằm thực hiện các dự án đổi mới công nghệ, tạo sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.

10.2. Hoạt động cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

Cấp kinh phí cho 56 nhiệm vụ KH&CN với tổng kinh phí 35.064 triệu đồng.

11. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN giai đoạn 2016 - 2020:

11.1. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN năm 2016:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN được Trung ương phân bổ là 28.450 triệu đồng, tỉnh giao 28.450 triệu đồng, đã sử dụng là 24.139,959 triệu đồng đạt 84,85 % kế hoạch.

- Kinh phí đầu tư phát triển: Sở Khoa học và Công nghệ không được bố trí vốn do các dự án của Sở chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11.2. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN năm 2017:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN được Trung ương phân bổ là 29.130 triệu đồng, tỉnh giao 29.130 triệu đồng, đã sử dụng là 28.140 triệu đồng đạt 96,60 % kế hoạch.

- Kinh phí đầu tư phát triển: tỉnh giao 20.000 triệu đồng, đã sử dụng là 207 triệu đồng, chuyển tiếp năm 2018 là 19.793 triệu đồng.

11.3. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN năm 2018:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN được Trung ương phân bổ là 31.133 triệu đồng, tỉnh giao 31.133 triệu đồng, đã sử dụng là 26.497 triệu đồng đạt 85,1 % kế hoạch.

- Kinh phí đầu tư phát triển: 19.959,9 triệu đồng, đã sử dụng là 2.909,23 triệu đồng. Kinh phí đầu tư phát triển có tỉ lệ sử dụng thấp, nguyên nhân do khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng làm cho tiến độ và kế hoạch giải ngân kinh phí của công trình xây dựng bị ảnh hưởng (10/11 hộ dân chưa thống nhất với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).

11.4. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN năm 2019:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN được Trung ương phân bổ là 33.624 triệu đồng, tỉnh giao 33.624 triệu đồng, đã sử dụng là 32.458 triệu đồng đạt 96,5% kế hoạch.

- Kinh phí đầu tư phát triển: 5.000 triệu đồng, đã sử dụng là 4.849 triệu đồng đạt 97% kế hoạch.

11.5. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2020:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN được Trung ương phân bổ là 35.991 triệu đồng, tỉnh giao 35.991 triệu đồng. Đã sử dụng 06 tháng đầu năm là 19.877 triệu đồng đạt 55 % kế hoạch; Ước thực hiện 6 tháng cuối năm là 34.191 triệu đồng đạt 95 % kế hoạch.

- Kinh phí đầu tư phát triển: tỉnh giao 54.839 triệu đồng. Đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2020 là: 24.818 triệu đồng; Ước thực hiện 6 tháng cuối năm là 54.441 triệu đồng.

12. Hoạt động thanh tra:

12.1. Thanh tra hành chính:

Thực hiện 04 cuộc thanh tra hành chính về việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; trách nhiệm thủ trưởng trong việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng và công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các đơn vị trực thuộc Sở. Qua thanh tra đã phát hiện các sai sót và kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các sai sót, kiến nghị thu hồi 443.000.000 đồng. Đồng thời, đề xuất Giám đốc Sở xem xét và có hình thức xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân có liên quan.

12.2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành:

- Thực hiện 36 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về việc chấp hành pháp luật đối với các lĩnh vực về KH&CN do Sở quản lý tại 521 cơ sở trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 55 tổ chức, cá nhân có

hành vi vi phạm hành chính; xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là 369.770.000 đồng.

- Các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đều được các tổ chức, cá nhân vi phạm đồng tình và chấp hành nộp tiền phạt đúng thời hạn quy định; không có phát sinh đơn thư khiếu nại quyết định hành chính đối với các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra Sở ban hành.

12.3. Tiếp nhận và giải quyết các đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo:

- Tiếp nhận: 15 đơn. Trong đó: 02 đơn tố cáo (chuyên 01 đơn, thụ lý 01 đơn); 13 đơn phản ánh (thụ lý 13 đơn); không có đơn khiếu nại.

- Đối với các vụ việc được Sở tiếp nhận thông qua đơn phản ánh chủ yếu là về lĩnh vực sở hữu công nghiệp (đơn yêu cầu xử lý việc xâm phạm quyền về sở hữu công nghiệp). Các vụ việc trên đã được Thanh tra Sở tiến hành xác minh, xử lý các hành vi vi phạm và yêu cầu loại bỏ các yếu tố xâm phạm, hầu hết đều được xử lý dứt điểm.

III. Đánh giá chung:

1. Kết quả đạt được:

- Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KH&CN trong những năm qua đã bước đầu khẳng định vị trí, vai trò tiên phong trong việc chuyển tải hiệu quả ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống. Phần lớn các nhiệm vụ KH &CN được nghiệm thu đưa vào ứng dụng đã bước đầu phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực vào việc hỗ trợ góp phần giúp cho tỉnh nhà đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Các kết quả nghiên cứu KH&CN trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản đã thay đổi thói quen canh tác truyền thống dựa vào sức người và kinh nghiệm mà thay vào đó là việc ứng dụng KH&CN để khai thác tối đa năng suất cây trồng; giảm áp lực dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm do chăn nuôi theo qui trình an toàn và có quản lý tốt, kiểm soát dịch bệnh bùng phát; cung ứng ra thị trường các loại gia súc, gia cầm an toàn, không tồn dư kháng sinh hoặc bất kỳ một hóa chất cấm nào và có thể truy xuất được nguồn gốc. Các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực y tế công cộng, dự phòng đã tập trung nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng sức khỏe của nhân dân, đề xuất giải pháp chuyển giao các kỹ thuật công nghệ, giải pháp phòng và điều trị các bệnh trong y tế cộng đồng; các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghiệp bước đầu cũng có những kết quả nhất định, như hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp sản xuất sạch hơn; áp dụng công cụ cải tiến, hệ thống quản lý chất lượng quốc tế; cơ giới hóa, công nghiệp hóa; bảo vệ tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu; các đề tài ứng dụng công nghệ cao. Các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực văn hóa – xã hội đã góp phần trong nghiên cứu cơ sở lý luận văn hóa dân gian và giá trị của nó làm có sở bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của tỉnh, tuyên truyền, giới thiệu những giá trị

văn hóa truyền thống của địa phương hoặc làm tài liệu giảng dạy chính tại các trường văn hóa của tỉnh.

- Công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư vào tỉnh đã được các ngành, các địa phương quan tâm thực hiện. Đến nay trên địa bàn tỉnh chưa phát hiện dự án có công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế và cấm chuyển giao, công nghệ lạc hậu, góp phần vào sự chuyển dịch kinh tế chung của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Công tác sở hữu trí tuệ (SHTT): Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã triển khai nhiều nội dung như tuyên truyền, phổ biến các kiến thức, pháp luật về SHTT; tư vấn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong tạo lập, đăng ký xác lập quyền, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ; hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu, xử phạt vi phạm hành chính liên quan xâm phạm quyền SHTT; ... góp phần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về bảo hộ quyền SHTT, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tuy nhiên việc phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương đã được bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận gặp một số khó khăn như chủ sở hữu chưa chủ động xây dựng các giải pháp phát triển; các nhãn hiệu chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp nên muốn phát triển ngoài việc có nhãn hiệu thì cũng cần phải có các tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm nên đòi hỏi phải có sự gắn kết của các ngành; doanh nghiệp thu mua sản phẩm chưa muốn sử dụng đến các nhãn hiệu tập thể.

- Một số chính sách về ưu đãi cho doanh nghiệp KH&CN chưa có thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính nên các doanh nghiệp khó tiếp cận và Sở Khoa học và Công nghệ gặp khó khăn trong hỗ trợ doanh nghiệp như: Chính sách về thuê đất, thời gian thuê đất, ưu đãi về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất với giá thấp nhất, được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị phục vụ trong phòng thí nghiệm trọng điểm, vốn vay tín dụng ưu đãi của các ngân hàng đầu tư. Nhìn chung quy mô cung - cầu về thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, các tổ chức KH&CN còn ít, hiệu quả hoạt động chưa cao. Khả năng đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế. Điều này đã ảnh hưởng đến các hoạt động giao dịch công nghệ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Về Dự án nâng cao năng suất chất lượng (NSCL): Mặc dù Sở Khoa học và Công nghệ Tiền Giang đã tích cực vận động, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia dự án này nhưng vẫn chưa đạt kết quả như mong đợi. Nguyên nhân do: Chính sách hỗ trợ hoạt động nâng cao NSCL chưa thật sự hấp dẫn, thu hút được sự tham gia của doanh nghiệp (hỗ trợ từ 20-30 triệu đồng hoặc không quá 50% giá trị hợp đồng chi phí tư vấn cho việc xây dựng hệ thống hoặc mô hình, công cụ); doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm giúp giảm thiểu lãng phí, tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm và do các doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trước đó.

- Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001(HTQLCL) tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Tiền Giang đã đạt được nhiều hiệu quả tích cực như: Chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính công được nâng cao; từng bước tạo được lòng tin và sự hài lòng của người dân khi đến cơ quan HCNN; cán bộ, công chức thực thi nhiệm vụ chủ động, trách nhiệm, giải quyết gọn gàng từng việc, hạn chế thấp nhất việc chậm hoặc quá hạn hồ sơ, đảm bảo giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả, giảm tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Một số đơn vị gặp khó khăn trong việc tiếp cận nội dung của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 do từ ngữ khá trừu tượng, khó tiếp cận; việc duy trì HTQLCL mang tính hình thức, đối phó; lãnh đạo một số đơn vị thiếu sự quan tâm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc áp dụng, duy trì HTQLCL trong đơn vị.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra: Được thực hiện theo đúng kế hoạch đã đạt những kết quả tích cực đã kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Đồng thời qua đó cũng đã vận động, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn có hạn chế trong việc phát hiện vi phạm do các hành vi vi phạm về đo lường và chất lượng xăng dầu ngày tinh vi, khó phát hiện do không có phương tiện kiểm tra đặc thù về đo lường và thiết bị thử nghiệm nhanh chất lượng xăng dầu. Việc xử lý các hành vi vi phạm đối với lĩnh vực này còn gặp nhiều khó khăn trong việc xác định chính xác hành vi vi phạm (xác định lượng hàng hóa vi phạm đã tiêu thụ theo Điều 13b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP).

- Công tác thông tin về KH & CN được chú trọng và duy trì thường xuyên thông qua các chuyên mục của Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang , Báo Ấp Bắc, Bản tin Khoa học và Công nghệ nhằm phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cơ chế, chính sách về KH&CN đến người dân và xã hội, nâng cao nhận thức về vai trò của KH&CN ở địa phương.

- Bên cạnh hình thức đầu tư cho KH&CN theo phương thức cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm, với mô hình Quỹ phát triển KH&CN do cơ quan nhà nước tổ chức triển khai đã mở ra một phương thức hỗ trợ, đầu tư mới, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; Góp phần nâng cao trình độ công nghệ cho các doanh nghiệp tại địa phương; Giúp các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, phát triển các sản phẩm mới, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiềm lực KH&CN của tỉnh được quan tâm đầu tư, triển khai 02 dự án đầu tư phát triển gồm: Dự án Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ KH&CN, Dự án Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học giai đoạn 2. Các dự án hoàn thành sẽ góp phần nâng cao năng lực hoạt động của đơn vị trong những năm tiếp theo.

2. Kiến nghị:

2.1. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Xem xét, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN cho phù hợp với thực tế triển khai phiên bản TCVN ISO 9001:2015 và các hoạt động xử lý thủ tục hành chính đang được điều chỉnh tại các văn bản khác như Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2019 của Văn phòng Chính phủ.

- Xem xét, sửa đổi một số biểu mẫu sử dụng trong quá trình tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính được nêu tại Mô hình khung ban hành kèm Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm tương thích với các biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP (như Mẫu giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, Mẫu sổ theo dõi hồ sơ).

- Hướng dẫn đối với công tác triển khai áp dụng HTQLCL trong bối cảnh các thủ tục hành chính đã được nâng lên mức độ xử lý trực tuyến (mức độ 3 và 4). Đồng thời, hoạt động giải quyết thủ tục hành chính đang được điều chỉnh tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ; theo đó, các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan đã do bộ phận kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn biên soạn và được lập trình trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.

- Hướng dẫn phương pháp, các tiêu chí mang tính định lượng để có thể đánh giá hiệu quả của việc áp dụng HTQLCL trong các cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

- Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn xác định lượng hàng hóa vi phạm về chất lượng đã tiêu thụ để Chi cục địa phương thực hiện.

- Cần tổ chức nhiều cuộc hội thảo quy mô toàn quốc với nhiều Bộ ngành, địa phương tham dự nhằm tìm ra giải pháp hiệu quả để duy trì và phát triển nhãn hiệu các sản phẩm chủ lực của địa phương.

2.2. Bộ Tài chính:

Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định cụ thể chế độ quản lý tài chính đối với hoạt động GTCLQG (hiện nay, chưa có quy định mức chi cho hoạt động của nhóm chuyên gia đánh giá và mức chi cho hoạt động của Hội đồng sơ tuyển tại địa phương).

2.3. Đối với UBND tỉnh:

Do phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép điều chỉnh một số nội dung của 02

dự án đầu tư công do đơn vị làm chủ đầu tư và cho phép kéo dài thời gian thực hiện 02 dự án đến năm 2021.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2021.

I. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2021:

1. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu tiến bộ kỹ thuật, coi đây là yếu tố then chốt tạo ra những đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu lại hệ thống nhiệm vụ KH&CN nhằm phục vụ thiết thực các hướng trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh giai đoạn 2021-2026 đặc biệt là các ngành, lĩnh vực kinh tế tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ có chất lượng cao; lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho việc đổi mới, chuyển giao công nghệ.

4. Tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài cho các sản phẩm mang tính đặc thù, sản phẩm đặc sản có thế mạnh của tỉnh nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.

5. Phát triển mạnh thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh; chú trọng phát triển cơ sở dữ liệu về KH&CN của tỉnh, liên kết với quốc gia và các địa phương khác.

6. Đẩy mạnh việc hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; hướng dẫn và hỗ trợ các doanh nghiệp chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy; tăng cường hoạt động tuyên truyền và đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến chất lượng, hoạt động năng suất chất lượng, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

7. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hoàn thành 02 dự án đầu tư công nhằm nâng cao năng lực của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

II. Xây dựng nhiệm vụ kế hoạch:

1. Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

- Nghiên cứu ứng dụng KH&CN đối với cây lúa, cây ăn trái, rau màu có ưu thế về chất lượng và phù hợp vùng sinh thái, hình thành vùng chuyên canh

tập trung, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn mặn; ứng dụng các giải pháp kỹ thuật nâng cao năng suất và chất lượng nông sản từ khâu canh tác cho đến thu hoạch.

- Ứng dụng công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong bảo quản, chế biến rau quả, thức ăn gia súc, thịt gia súc, gia cầm; ứng dụng CNSH trong chọn tạo giống, cây trồng, vật nuôi; phân lập, định danh, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn mặn.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất sử dụng ít nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu công nghệ sản xuất sạch, thân thiện môi trường, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất sạch.

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ nhằm khắc phục, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn mặn, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng, cải tiến các biện pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ, thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa thuộc lĩnh vực nông, thủy sản.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Có cơ chế theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

2. Kế hoạch thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN:

2.1. Công tác quản lý công nghệ và chuyên ngành:

2.1.1. Công tác quản lý công nghệ và thị trường công nghệ:

- Thẩm định 10 dự án công nghệ, cấu hình thiết bị theo yêu cầu; Tham gia hội đồng tư vấn đầu thầu.

- Vận động, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia chứng nhận Doanh nghiệp KH&CN.

- Hỗ trợ 10 đơn vị, doanh nghiệp trong tỉnh tham gia tham gia các chợ công nghệ và thiết bị, hội chợ, triển lãm, sàn giao dịch công nghệ tại địa phương, trong nước và quốc tế.

2.1.2. Công tác quản lý sở hữu trí tuệ:

- Tổ chức hoạt động quản lý và hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp xác lập quyền các đối tượng sở hữu trí tuệ.

- Tổ chức hội thảo Giải pháp sử dụng, quản lý nhãn hiệu tập thể (NHTT), nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) có hiệu quả để duy trì và phát triển NHTT, NHCN đã được bảo hộ tại tỉnh Tiền Giang)

- Xây dựng nhãn hiệu cho 02 sản phẩm chủ lực của các địa phương.

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ: 01 sáng chế, 01 kiểu dáng công nghiệp.

- Tổ chức 04 lớp tập huấn, tuyên truyền về SHTT.

2.1.3. Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Tổ chức 03 lớp đào tạo kỹ năng cho người khởi nghiệp, dự kiến tổ chức tại 03 vùng của tỉnh.

- Hỗ trợ Trường Đại học Tiền Giang tổ chức cuộc thi "Sinh viên khởi nghiệp sáng tạo" năm 2021; hỗ trợ tỉnh đoàn tổ chức Hội thi "ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp" đoàn viên thanh niên tỉnh Tiền Giang năm 2021.

- Hỗ trợ tham gia sự kiện Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đồng bằng sông Cửu Long và Quốc gia (TECHFEST).

- Tổ chức tọa đàm "Giải pháp nâng cao hoạt động sáng tạo của học sinh sinh viên thông qua phong trào Đoàn".

- Thực hiện 01 chuyên mục truyền hình về hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra cập nhật trình độ và năng lực công nghệ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.1.4. Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân:

- Hướng dẫn, thẩm định cấp phép các hồ sơ về an toàn bức xạ theo yêu cầu.

- Tiếp tục triển khai đề tài Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

2.1.5. Công tác quản lý thông tin & thống kê KH&CN:

- Cập nhật kịp thời, đầy đủ các thông tin về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng và đơn vị trực thuộc Sở; văn bản quản lý nhà nước về KH&CN của Trung ương và địa phương; dịch vụ công trực tuyến; các hoạt động về KH&CN, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ, ...trên Cổng Thông tin điện tử của Sở.

- Cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Thông tư 14/2014/TT-BKHCN.

3. Công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

3.1. Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

- Hướng dẫn và hỗ trợ 02 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.

- Tổ chức vận động lựa chọn các doanh nghiệp; tiến hành hướng dẫn và hỗ trợ 03 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các HTQLCL tiên tiến, công cụ cải tiến NSCL, chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia chương trình xúc tiến thương mại đẩy mạnh xuất khẩu: Xây dựng các chương trình, đề án xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và ban hành áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, TCVN, TCQT và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy (theo yêu cầu doanh nghiệp).

- Tập huấn, bồi dưỡng về NSCL cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cho các sở ngành và doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai áp dụng HTQLCL vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Tiền Giang. Kiểm tra 94 cơ quan, đơn vị áp dụng HTTCCL gồm 15 cơ quan hành chính nhà nước Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và 79 UBND cấp xã; đào tạo đánh giá nội bộ HTQLCL ISO 9001:2015: 03 lớp.

- Thực hiện thanh, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao và sự chỉ đạo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, UBND tỉnh (các nhóm sản phẩm, hàng hóa như: xăng dầu; đồ chơi trẻ em, mũ bảo hiểm; thiết bị điện, điện tử; dầu nhớt, thép cốt bê tông; ...); dự kiến 09 cuộc, 180 cơ sở.

- Phối hợp các ngành chức năng có liên quan thực hiện thanh, kiểm tra về đo lường và chất lượng khi có yêu cầu.

- Tiếp nhận, thực hiện kiểm tra về đo lường và chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường theo thư phản ánh, khiếu nại của các tổ chức, cá nhân.\

- Tổ chức 02 cuộc tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3.2. Công tác dịch vụ:

- Tổ chức kiểm định các loại PTĐ trong phạm vi được Tổng cục TCĐLCL chỉ định. Tổng số: 45.000 lượt PTĐ (gồm đồng hồ nước lạnh: 10.000; công tơ điện: 20.000; cột đo xăng dầu: 2.000; cân bàn, cân đĩa: 1.000; cân đồng hồ lò xo: 10.000; cân kỹ thuật, cân phân tích: 500; áp kế, huyết áp kế, điện tim: 1.000; các phương tiện đo khác 500).

- Tư vấn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vàng trang sức; tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015; tư vấn xây dựng báo cáo tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia.

- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật đo lường cho doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tổng doanh thu: 5.000.000.000 đồng.

4. Công tác thanh tra KH&CN:

4.1. Thanh tra hành chính: 01 cuộc

Thanh tra hành chính về trách nhiệm thủ trưởng trong công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, công tác phòng chống tham nhũng và công tác tiếp nhận đơn thư, giải quyết khiếu, nại tố cáo tại 01 đơn vị trực thuộc.

4.2. Thanh tra chuyên ngành: 04 cuộc

Thanh tra chuyên ngành 04 cuộc tại 120 cơ sở với các nội dung và lĩnh vực: An toàn bức xạ hạt nhân, quản lý xử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong y tế; lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng đối với hàng hóa xăng dầu, vàng

trang sức mỹ nghệ trong lưu thông, hàng bao gói sẵn; việc thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ do Sở quản lý.

4.3. Công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn về công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân định kỳ và thường xuyên, gắn tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định, không để tồn đọng.

5. Công tác nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ KH&CN:

5.1. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ KH&CN:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động Xưởng Cơ khí-Vật liệu mới, nâng cao chất lượng và cải tiến mẫu mã các mặt hàng bằng vật liệu Composite: thùng chứa rác, cánh cổng, bồn chứa nước, máy tạo ẩm nhà nuôi chim yến...và định hướng phát triển rộng rãi mô hình trồng rau khí canh trong và ngoài tỉnh.

- Mở rộng thị trường về tư vấn và lắp đặt thiết bị xử lý môi trường cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực: nước thải, khí thải, khói bụi,... các thiết bị công nghệ khác: xử lý nước cấp, nước uống,...lắp đặt vật tư thiết bị bể bơi...

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ổn định quy trình sản xuất giống nấm và mở rộng hệ thống phân phối tiêu thụ các loại giống nấm, đồng thời nhân rộng mô hình trồng nấm cho nông dân.

- Nâng cao chất lượng, phát triển thị trường cung ứng nước uống đóng chai Sông Tiên và bột xử lý nước PPAC.

- Nâng cao uy tín và chất lượng hoạt động của Tổ tư vấn và dịch vụ môi trường. Tăng cường đầu tư nghiên cứu, tham khảo các công nghệ mới trong lĩnh vực xử lý nước thải. Từ đó cải tiến, thiết kế, sản xuất phù hợp với từng quy mô ở địa phương để cung ứng ra thị trường.

- Doanh thu ước thực hiện năm 2021: 13 tỷ đồng.

5.2. Hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học:

- Thực hiện lấy mẫu, kiểm mẫu và kiểm tra máy X - quang khi có yêu cầu.

- Duy trì, cải tiến ISO 17025 trong hoạt động của phòng thử nghiệm, đồng thời kiểm soát và bảo đảm chất lượng kết quả phân tích – VILAS 369; đồng thời duy trì và đảm bảo tái công nhận PTN đủ năng lực hoạt động quan trắc và phân tích môi trường theo quy định – VIMSERTS 180.

- Thực hiện hoạt động quan trắc môi trường phục vụ quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, cải tiến ISO 17065:2012 trong hoạt động và duy trì là tổ chức được chỉ định chứng nhận VietGAP.

- Đầu tư trang thiết bị mới tiến tiến để thay thế các phương pháp phân tích thủ công nhằm giảm thiểu thời gian, tăng năng suất, giảm chi phí nhân công. Vận hành và hoàn thiện quy trình sản xuất phân bón hữu cơ với dây chuyền máy móc thiết bị mới.

- Chuyên nghiệp hóa việc sản xuất, kinh doanh và quảng bá sản phẩm; nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đưa ra định hướng hoạt động phù hợp với môi trường cạnh tranh giá dịch vụ.

- Đào tạo kỹ năng phân tích cho nhân viên kỹ thuật trong phòng thí nghiệm và chuyển giao đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, đào tạo nâng cao năng lực cho chuyên gia đánh giá chứng nhận VietGAP, CBVC & NLD.

- Đẩy mạnh và phát huy cung cấp dịch vụ an toàn bức xạ ngoài tỉnh với chi phí và giá cả cạnh tranh; đồng thời tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao KH&CN cho công đồng thông qua thực hiện các đề tài, dự án và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

- Tăng cường phổ biến thông tin KH&CN, phối hợp thông tin truyền thông đưa tri thức khoa học đến mọi đối tượng: Chuyên mục trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang (04 chuyên đề), Chuyên trang trên báo Ấp Bắc (04 số), các tạp chí, website của Bộ, ngành trung ương và địa phương.

- Tổ chức thu thập, đăng ký và lưu giữ và công bố thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Tổ chức thu thập, xử lý và cập nhật thông tin, CSDL về nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành và kết quả ứng dụng nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Phổ biến thông tin công nghệ, đẩy mạnh tư vấn, phục vụ thông tin KH&CN cho phát triển kinh tế xã hội.

- Triển khai thực hiện chế độ báo cáo cơ sở về KH&CN đối với các tổ chức có hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Doanh thu ước thực hiện năm 2021: 5,0 tỷ đồng.

6. Hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN:

- Tiếp nhận và hướng dẫn doanh nghiệp lập hồ sơ vay từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển KH&CN để thực hiện các dự án theo qui định của Quỹ.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị vay vốn thanh toán nợ gốc và lãi vay đúng hạn. Thu nợ gốc và tiền lãi vay: 13.480 triệu đồng, bao gồm: Nợ gốc: 12.067 triệu đồng. Lãi tiền vay: 1.413 triệu đồng.

- Tiếp nhận 06 hồ sơ xin vay vốn từ các đơn vị với tổng số tiền là 30 tỷ đồng.

- Đề nghị cấp bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Phát triển KH&CN năm 2021 là 15 tỷ đồng.

- Tiếp tục thực hiện cấp kinh phí thực hiện 40 nhiệm vụ khoa học công nghệ theo đúng tiến độ với tổng số tiền là 17.632 triệu đồng

7. Hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp huyện:

Thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường đối với các cơ sở có sử dụng cân; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn huyện; phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng triển khai kế hoạch kiểm định cân thông dụng; tổ chức vận động các cá nhân, tổ chức tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật.

III. Dự toán chi NSNN cho hoạt động KH&CN năm 2021:

- Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2021 đề nghị cấp là 81.331 triệu đồng, gồm:

+ Kinh phí sự nghiệp KH&CN: **46.296 triệu đồng.**

+ Kinh phí đầu tư phát triển : **36.750 triệu đồng.**

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN đề nghị cấp trong năm 2021 tăng hơn so với năm 2020 (46.296 triệu đồng so với 34.191 triệu đồng) do các nguyên nhân như sau:

+ Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Phát triển KH&CN (15.000 triệu đồng): nhằm thực hiện Quyết định số 4448/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tiền Giang, theo đó vốn điều lệ của Quỹ là **100.000 triệu đồng** (trước đây là **50.000 triệu đồng**).

+ Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; Quyết định 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; nghiên cứu các giải pháp phòng chống hạn mặn và biến đổi khí hậu./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP (Dung).

GIÁM ĐỐC

Dương Văn Bon

